TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **28**/2023/QĐST-DS	*S, ngày 10 tháng 8 N 2023*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 192, điểm g khoản 1 Điều 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N cho rằng Phòng Thuế công thương nghiệp huyện S đã thu vượt mức, thu không đúng các khoản thuế được thể hiện tại biên lai thuế hàng hóa số 006889, biên lai thu tiền số 03925 cùng ngày 18/5/1984 và 06 khoản thu thuế vào tháng 1, tháng 3, 4, 5, 6, 7 N 1989. Nhưng hiện nay Phòng Thuế công thương nghiệp không còn, nên ông (N) yêu cầu Chi cục Thuế huyện S và Ủy ban nhân dân huyện S phải bồi thường thiệt hại cho ông theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước N 2017. Căn cứ để ông N khởi kiện là Kết luận giải quyết đơn khiếu tố số 69/KL-TT ngày 24/12/1990 của Thanh tra huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện S xác định: Kết luận giải quyết đơn khiếu tố số 69/KL-TT ngày 24/12/1990 của Thanh tra huyện S, tỉnh Tuyên Quang đề cập đến nhiều nội dung theo khiếu tố của ông N, trong đó có kết luận đối với một số khoản thu thuế vào N 1989; không kết luận đối với 02 khoản thu tại biên lai thuế hàng hóa số 006889, biên lai thu tiền số 03925 cùng ngày 18/5/1984. Kết luận giải quyết đơn khiếu tố số 69/KL-TT ngày 24/12/1990 của Thanh tra huyện S không phải là văn bản giải quyết khiếu nại cuối cùng của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Điều 12 Pháp lệnh quy định việc xét và giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân ngày 27/11/1981 của Hội đồng Nhà nước quy định *"Các khiếu nại đối với thủ trưởng hoặc ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức nào thì thủ trưởng hoặc ban lãnh đạo cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm xét và giải quyết"*.

Như vậy, nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn N chưa có "Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường" quy định tại Điều 8 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước N 2017. Thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự thụ lý số 62/2022/TLST-DS, ngày 28/10/2022 về việc Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh N 1948. Địa chỉ: Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Chi cục Thuế huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do ông Nguyễn Hữu Nghị - Chức vụ: Chi cục trưởng làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục trưởng: Ông Lê Quang Hà – Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế huyện S.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Uỷ ban nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Do ông Giang Tuấn A – Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện làm đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện: Ông Vũ Trọng B – Chức vụ: Phó Chánh Thanh tra huyện S.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Ông Nguyễn Văn N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án khi đã có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 218; điểm c khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 8 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước N 2017.

- Trả lại cho nguyên đơn Đơn khởi kiện và toàn bộ tài liệu, chứng cứ kèm theo.

- Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện S có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế